



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Lê Văn Thập
Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 12 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00509-20-1



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		243.509.331.372	190.447.857.069
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	44.674.871.212	21.358.434.250
Tiền	111		11.674.871.212	2.358.434.250
Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	19.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.256.842.753	72.583.865.621
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	74.320.306.204	61.820.029.613
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	20.519.305.543	9.511.053.549
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.417.231.006	1.252.782.459
Hàng tồn kho	140	9	97.063.276.481	94.599.341.514
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.514.340.926	1.906.215.684
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.034.953.839	1.605.901.365
Thuế phải thu Nhà nước	153		1.479.387.087	300.314.319



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		945.253.044.120	945.938.141.948
Các khoản phải thu dài hạn	210		31.681.637.271	2.760.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		28.921.637.271	-
Phải thu dài hạn khác	216		2.760.000.000	2.760.000.000
Tài sản cố định	220		760.999.071.126	808.021.984.096
Tài sản cố định hữu hình	221	10	759.546.557.104	806.512.575.530
Nguyên giá	222		988.758.310.655	973.815.866.267
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.211.753.551)	(167.303.290.737)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.452.514.022	1.509.408.566
Nguyên giá	228		1.596.095.495	1.596.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(143.581.473)	(86.686.929)
Bất động sản đầu tư	230	12	75.994.159.797	76.346.814.585
Nguyên giá	231		77.642.556.851	77.642.556.851
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.648.397.054)	(1.295.742.266)
Tài sản dở dang dài hạn	240		27.435.037.901	6.253.982.536
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	27.435.037.901	6.253.982.536
Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.277.183.000	13.277.183.000
Đầu tư vào công ty con	251	14	13.277.183.000	13.277.183.000
Tài sản dài hạn khác	260		35.865.955.025	39.278.177.731
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	34.979.555.218	39.278.177.731
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		886.399.807	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.188.762.375.492	1.136.385.999.017

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.019.203.408.925	974.757.099.467
Nợ ngắn hạn	310		552.374.738.025	721.067.602.016
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	58.071.886.791	80.351.183.734
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.551.732.535	1.838.020.234
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	366.963.000.763	180.047.236.407
Phải trả người lao động	314		6.662.896.658	5.944.758.981
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	12.882.877.190	6.304.394.331
Phải trả ngắn hạn khác	319		5.161.674.898	2.580.017.939
Vay ngắn hạn	320	19(a)	98.797.200.000	441.544.013.809
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	283.469.190	2.457.976.581
Nợ dài hạn	330		466.828.670.900	253.689.497.451
Phải trả dài hạn khác	337		250.000.000	1.624.707.250
Vay dài hạn	338	19(b)	466.578.670.900	251.740.549.899
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	324.240.302
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		169.558.966.567	161.628.899.550
Vốn chủ sở hữu	410	21	169.558.966.567	161.628.899.550
Vốn cổ phần	411	22	115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	14.631.429.050	10.704.336.617
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.399.837.602	2.195.525.780
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.527.699.915	33.729.037.153
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.729.037.153	2.676.111.693
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		26.798.662.762	31.052.925.460
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.188.762.375.492	1.136.385.999.017



Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Nguyễn Vũ Lâm
Kế toán

Người duyệt:

Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng



Lê Văn Thập
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	902.965.494.567	802.210.944.898
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	763.747.611.883	653.808.413.262
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		139.217.882.684	148.402.531.636
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.819.314.064	174.075.668
Chi phí tài chính	22	29	52.585.574.210	48.158.190.683
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		52.584.826.494	48.124.883.878
Chi phí bán hàng	25	30	8.755.282.698	14.193.751.624
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	30.679.667.198	34.172.320.118
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		49.016.672.642	52.052.344.879
Thu nhập khác	31		126.637.793	139.162.897
Chi phí khác	32		3.264.690.567	19.062.581
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.138.052.774)	120.100.316
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		45.878.619.868	52.172.445.195
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	6.545.773.699	4.410.406.653
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(1.210.640.109)	324.240.302
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		40.543.486.278	47.437.798.240

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Vũ Lâm
Kế toán

Người duyệt:



Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng



Lê Văn Thập
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	45.878.619.868	52.172.445.195
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	62.318.012.146	59.928.494.356
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.819.314.064)	(174.075.668)
Chi phí lãi vay	06	52.584.826.494	48.124.883.878
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	158.962.144.444	160.051.747.761
Biến động các khoản phải thu	09	(54.635.587.171)	(32.819.097.560)
Biến động hàng tồn kho	10	(2.463.934.967)	(29.334.605.369)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	164.939.544.557	81.860.852.969
Biến động chi phí trả trước	12	3.869.570.039	9.190.712.676
		270.671.736.902	188.949.610.477
Tiền lãi vay đã trả	14	(50.321.328.646)	(47.746.778.942)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.638.882.907)	(6.433.344.337)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.787.926.652)	(7.993.579.758)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	204.923.598.697	126.775.907.440
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(31.379.682.991)	(90.393.363.917)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(12.977.183.000)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	681.214.064	174.075.668
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.698.468.927)	(103.196.471.249)



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.431.300.094.628	1.209.893.949.597
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.559.208.787.436)	(1.209.770.574.103)
Tiền trả cổ tức	36	(23.000.000.000)	(28.750.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(150.908.692.808)	(28.626.624.506)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	23.316.436.962	(5.047.188.315)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	21.358.434.250	26.405.622.565
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	44.674.871.212	21.358.434.250

Ngày 12 tháng 3 năm 2020


Người lập:


Nguyễn Vũ Lâm
Kế toán

Người duyệt:


Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng




Lê Văn Thập
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; chưng, tinh chất và pha chế các loại rượu mạnh; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng và các hoạt động khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 1 công ty con (1/1/2019: 1 công ty con), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 14.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 145 nhân viên (1/1/2019: 145 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 308.865 triệu VND (1/1/2019: 530.620 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 45 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 12 năm
▪ thiết bị quản lý	5 – 15 năm
▪ tài sản khác	6 – 10 năm



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư.

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 38 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì chai kết được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và tương đối chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập-chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính riêng và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cho thuê bất động sản đầu tư. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	730.992.291	33.187.118
Tiền gửi ngân hàng	10.943.878.921	2.325.247.132
Các khoản tương đương tiền	33.000.000.000	19.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	44.674.871.212	21.358.434.250

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 0,8% đến 5,0% một năm (1/1/2019: 4,5% đến 5,3% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Thạnh Lộc	43.258.635.601	5.718.483.237
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	27.107.766.113	55.072.169.614
Các khách hàng khác	3.953.904.490	1.029.376.762
	<hr/>	
	74.320.306.204	61.820.029.613
	<hr/>	

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	27.107.766.113	55.072.169.614
	<hr/>	

Khoản phải thu từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Thạnh Lộc	8.651.985.232	5.708.628.938
Công ty Cổ phần Hơi Bão Hòa	3.831.273.200	-
Công ty Cổ phần Y&Y Group	3.169.015.344	-
Các nhà cung cấp khác	4.867.031.767	3.802.424.611
	<hr/>	
	20.519.305.543	9.511.053.549
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Trả trước cho người bán là bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	893.210.000	-
	893.210.000	-

Khoản trả trước cho bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cổ tức phải thu	1.138.100.000	-
Tạm ứng	563.382.500	582.017.059
Ký quỹ, ký cược	223.260.000	223.260.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.492.488.506	447.505.400
	3.417.231.006	1.252.782.459

9. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	14.600.000	-	56.362.000	-
Nguyên vật liệu	31.551.425.997	-	36.424.269.537	-
Công cụ và dụng cụ	9.120.919.045	-	11.913.737.416	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.500.890.003	-	31.966.726.964	-
Thành phẩm	27.806.221.891	-	14.216.645.597	-
Hàng hóa	69.219.545	-	21.600.000	-
	97.063.276.481	-	94.599.341.514	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	237.781.703.811	650.840.042.515	39.433.000.035	45.166.306.724	594.813.182	973.815.866.267
Tăng trong năm	874.293.734	4.143.405.000	-	236.436.364	485.000.000	5.739.135.098
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.746.435.912	2.456.873.378	-	-	-	9.203.309.290
Số dư cuối năm	245.402.433.457	657.440.320.893	39.433.000.035	45.402.743.088	1.079.813.182	988.758.310.655
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	23.549.204.899	119.495.286.278	10.958.266.557	12.994.203.285	306.329.718	167.303.290.737
Khấu hao trong năm	9.465.021.522	44.712.540.521	3.651.538.068	3.999.409.403	79.953.300	61.908.462.814
Số dư cuối năm	33.014.226.421	164.207.826.799	14.609.804.625	16.993.612.688	386.283.018	229.211.753.551
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	214.232.498.912	531.344.756.237	28.474.733.478	32.172.103.439	288.483.464	806.512.575.530
Số dư cuối năm	212.388.207.036	493.232.494.094	24.823.195.410	28.409.130.400	693.530.164	759.546.557.104

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 977.614 triệu VND (1/1/2019: 986.110 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.038.400.000	557.695.495	1.596.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	86.686.929	86.686.929
Khấu hao trong năm	-	56.894.544	56.894.544
Số dư cuối năm	-	143.581.473	143.581.473
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.038.400.000	471.008.566	1.509.408.566
Số dư cuối năm	1.038.400.000	414.114.022	1.452.514.022

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 1.596 triệu VND (1/1/2019: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	11.755.159.797	12.107.814.585
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	64.239.000.000	64.239.000.000
	75.994.159.797	76.346.814.585

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, bất động sản đầu tư có nguyên giá là 77.643 triệu VND (1/1/2019: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	13.403.556.851
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.295.742.266
Khấu hao trong năm	352.654.788
Số dư cuối năm	1.648.397.054
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	12.107.814.585
Số dư cuối năm	11.755.159.797

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh quyền sử dụng đất của Công ty tại Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	6.253.982.536	13.795.612.723
Tăng trong năm	30.384.364.655	16.925.992.556
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.203.309.290)	(24.467.622.743)
Số dư cuối năm	27.435.037.901	6.253.982.536

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	2019 VND	2018 VND
Hệ thống thanh trùng nhanh và dây chuyền chiết Keg	20.366.315.577	-
Hệ thống Pilot, chiết bia thủ công	4.108.181.360	1.859.505.474
Máy cấp nắp tự động	600.158.938	600.158.938
Nâng cấp máy checkmat	-	1.012.650.915
Các công trình khác	2.360.382.026	2.781.667.209
	27.435.037.901	6.253.982.536

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 310 triệu VND (2018: không).

14. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty con	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2019 và 1/1/2019		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kho Vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	599.000	99,83%	13.277.183.000	(*)	-

Hoạt động chính của Công ty con là quản lý, cho thuê văn phòng và kho bãi và cung cấp dịch vụ vận tải.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	13.277.183.000	300.000.000
Tăng trong năm	-	12.977.183.000
Số dư cuối năm	13.277.183.000	13.277.183.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	21.918.473.168	10.847.000.394	1.804.634.539	4.708.069.630	39.278.177.731
Tăng trong năm	-	702.450.000	5.868.377.766	1.946.117.113	8.516.944.879
Phân bổ trong năm	(444.376.342)	(6.926.310.709)	(2.276.962.885)	(3.167.917.456)	(12.815.567.392)
Số dư cuối năm	21.474.096.826	4.623.139.685	5.396.049.420	3.486.269.287	34.979.555.218

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC - Ball Việt Nam	12.523.407.790	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	10.112.131.104	63.613.089.846
Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải Thái Tân	6.148.574.899	2.762.917.849
Các nhà cung cấp khác	29.287.772.998	13.975.176.039
	58.071.886.791	80.351.183.734

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	10.112.131.104	63.613.089.846

Khoản phải trả cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.669.834.613	169.075.818.299	(167.822.010.160)	1.406.263.810	14.329.906.562
Thuế tiêu thụ đặc biệt	164.966.995.141	790.550.383.263	(611.513.126.219)	-	344.004.252.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.410.406.653	6.545.773.699	(3.638.882.907)	-	6.317.297.445
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.758.065.305	(3.219.329.692)	(227.191.042)	2.311.544.571
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	180.047.236.407	971.933.040.566	(786.196.348.978)	1.179.072.768	366.963.000.763

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Chi phí thuê gia công trụ đèn quảng cáo	5.370.704.544	1.334.534.091
Chi phí lãi vay	3.504.991.634	1.149.072.015
Chi phí xây dựng	169.900.000	1.399.375.307
Chi phí trích trước khác	3.837.281.012	2.421.412.918
	12.882.877.190	6.304.394.331

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	325.525.874.875	817.371.923.728	(1.142.897.798.603)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	116.018.138.934	98.797.200.000	(116.018.138.934)	98.797.200.000
	441.544.013.809	916.169.123.728	(1.258.915.937.537)	98.797.200.000

(b) Vay dài hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Vay dài hạn	565.375.870.900	367.758.688.833
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(98.797.200.000)	(116.018.138.934)
	466.578.670.900	251.740.549.899

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kiên Giang	VND	8,7% - 9,7%	2024 - 2025	565.375.870.900	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	6,5%	2023	-	367.758.688.833
				565.375.870.900	367.758.688.833

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 977.614 triệu VND, 1.596 triệu VND và 77.643 triệu VND (1/1/2019: 986.110 triệu, không và không) (Thuyết minh 10, Thuyết minh 11 và Thuyết minh 12).

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	2.457.976.581	1.639.468.005
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	5.890.638.650	7.022.088.334
Sử dụng trong năm	(8.065.146.041)	(6.203.579.758)
Số dư cuối năm	283.469.190	2.457.976.581

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	115.000.000.000	6.022.944.394	3.005.039.423	33.216.111.693	157.244.095.510
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	47.437.798.240	47.437.798.240
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(7.022.088.334)	(7.022.088.334)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	4.681.392.223	4.681.392.223	(9.362.784.446)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(28.750.000.000)	(28.750.000.000)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	-	-	-	(1.790.000.000)	(1.790.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(5.490.905.866)	-	(5.490.905.866)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	115.000.000.000	10.704.336.617	2.195.525.780	33.729.037.153	161.628.899.550
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	40.543.486.278	40.543.486.278
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(5.890.638.650)	(5.890.638.650)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	3.927.092.433	3.927.092.433	(7.854.184.866)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(23.000.000.000)	(23.000.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(3.722.780.611)	-	(3.722.780.611)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	115.000.000.000	14.631.429.050	2.399.837.602	37.527.699.915	169.558.966.567

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo bao gồm:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.300.000	20%
Các cổ đông khác	9.200.000	80%
Số dư cuối năm	11.500.000	100%

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 2 tháng 4 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 23.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 40.250 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu, trong đó 11.500 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông trong năm 2017).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.589.630.000	3.091.886.301
Từ hai đến năm năm	6.220.333.644	2.887.247.260
Sau năm năm	1.303.726.027	-
	10.113.689.671	5.979.133.561

(b) Ngoại tệ

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	93.758	2.180.297.082	31.740	733.825.332
		2.180.297.082		733.825.332

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	850.965.274.693	798.968.473.919
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.641.515.657.956	1.586.270.386.060
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(790.550.383.263)	(787.301.912.141)
▪ Bán kết và vỏ chai	48.409.313.205	-
▪ Cho thuê kho	100.000.000	550.000.000
▪ Doanh thu khác	3.490.906.669	2.692.470.979
	902.965.494.567	802.210.944.898

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	715.295.690.921	653.455.758.474
▪ Kết và vỏ chai đã bán	48.099.266.174	-
▪ Chi phí khấu hao của bất động sản đầu tư	352.654.788	352.654.788
	763.747.611.883	653.808.413.262

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi	681.214.064	174.075.668
Cổ tức được chia	1.138.100.000	-
	1.819.314.064	174.075.668

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	52.584.826.494	48.124.883.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá	747.716	33.306.805
	<hr/>	<hr/>
	52.585.574.210	48.158.190.683
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	785.322.219	2.060.264.593
Chi phí công cụ, dụng cụ	87.058.371	644.563.258
Chi phí khấu hao	630.435.364	501.817.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.928.665.245	5.907.270.472
Chi phí bán hàng khác	2.323.801.499	5.079.835.819
	<hr/>	<hr/>
	8.755.282.698	14.193.751.624
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	7.025.921.761	9.905.827.013
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.166.718.341	5.232.664.118
Thuế, phí và lệ phí	291.189.491	384.407.200
Chi phí công cụ dụng cụ	759.044.069	323.712.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.395.386.264	285.663.257
Chi phí khác	15.041.407.272	18.040.045.921
	<hr/>	<hr/>
	30.679.667.198	34.172.320.118
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	638.006.040.431	531.734.979.769
Chi phí khấu hao và phân bổ	62.318.012.146	59.928.494.356
Chi phí nhân công và nhân viên	35.871.637.042	35.818.238.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.265.871.150	21.354.445.929
Chi phí khác	24.721.001.010	70.727.038.870

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	6.545.773.699	4.353.217.841
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	57.188.812
	6.545.773.699	4.410.406.653
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.210.640.109)	324.240.302
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.335.133.590	4.734.646.955

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.878.619.868	52.172.445.195
Thuế theo thuế suất của Công ty	4.587.861.987	5.217.244.520
Chi phí không được khấu trừ thuế	313.492.708	455.814.402
Ưu đãi thuế	(2.336.007.984)	(3.200.804.105)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế	2.769.786.879	2.205.203.326
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	57.188.812
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.335.133.590	4.734.646.955

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động (từ 2015 đến 2029). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ 2015 đến 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2019 đến 2027).

Đối với thu nhập tính thuế phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng do nâng công suất từ 50 triệu lít/năm lên 100 triệu lít/năm được tính theo thuế suất thuế thu nhập thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Nhà đầu tư		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng hóa (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.534.379.172.243	1.556.291.736.740
Mua nguyên vật liệu	463.440.325.293	457.942.814.837
Mua hàng hoá khác	-	60.385.500
Cổ tức	4.600.000.000	5.750.000.000
Công ty con		
Công ty Cổ phần Kho Vận Bia Sài Gòn Kiên Giang		
Góp vốn	-	12.977.183.000
Thuê dịch vụ vận chuyển	4.686.858.000	-
Cổ tức được chia	1.138.100.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	4.593.800.000	5.562.000.000



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Vũ Lâm
Kế toán

Người duyệt:



Hà Thị Hoàn Hảo
Kế toán Trưởng

Lê Văn Thập
Giám đốc

